

## Phụ lục I

### KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 184/SGDDĐT-THCS ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Phòng GDĐT)

TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ: Tự nhiên

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC: TOÁN, KHỐI LỚP: 9

(Năm học 2023 - 2024)

#### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 08; Số học sinh: .....; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:.....; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: ..... Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên <sup>1</sup>: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				

<sup>1</sup> Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

3				
...				
...				

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (*Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục*)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

## 2. Kế hoạch dạy học<sup>2</sup>

---

<sup>2</sup> Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

## 2.1. Phân phối chương trình

(Năm học 2023 - 2024)

### ĐẠI SỐ

STT	Bài học/ Chủ đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)		Yêu cầu cần đạt (4)
			Tiết	Tuần	
<b>Chương I. CĂN BẬC HAI. CĂN BẬC BA</b>					
1	§1. Căn bậc hai	1	1	1	-HS hiểu được khái niệm căn bậc hai của một số không âm, ký hiệu căn bậc hai, phân biệt được căn bậc hai dương và căn bậc hai âm của cùng một số dương, định nghĩa căn bậc hai số học. -Tính được căn bậc hai của một số không âm, -Vận dụng được định lý $0 \leq A < B \Leftrightarrow \sqrt{A} < \sqrt{B}$ để so sánh các căn bậc hai số học.
2	§2 Căn bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A} =  A $	2	2,3	1,2	-HS hiểu được căn thức bậc hai, biết cách tìm điều kiện xác định của $\sqrt{A}$ . -Biết vận dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $ để rút gọn biểu thức.

					-Biết tìm đk để $\sqrt{A}$ xác định, biết dùng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} =  A $ vào thực hành giải toán.
3	§3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.	2	4,5	2,3	-HS hiểu được nội dung định lý về liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương, biết rút ra các quy tắc khai phương tích, nhân các căn bậc hai. -HS biết dùng các quy tắc khai phương một tích và quy tắc nhân các căn bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.
4	§4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	2	6,7	3,4	-HS hiểu được nội dung định lý liên hệ giữa phép chia và phép khai phương. Quy tắc khai phương một thương, chia các căn bậc hai. -HS có kỹ năng dùng phép khai phương một thương và chia hai căn bậc hai trong tính toán và rút gọn biểu thức.
5	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO	1	8	4	Kết hợp với 1 tiết hình học: thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO GV hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu trên mạng, trao đổi học tập lẫn nhau; Báo cáo kết quả trước lớp.
6	§6§7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai	3	9,10,11	5,6	-HS biết được cơ sở của việc đưa thừa số ra ngoài dấu căn và đưa thừa số vào trong dấu căn. HS có kỹ năng đưa thừa số vào trong hay ra ngoài dấu căn. Biết vận dụng các phương pháp biến đổi trên để so sánh hai số và rút gọn biểu thức. -HS biết cách khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn ở mẫu.

7	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai.	2	12,13	6,7	Biết phối hợp các kỹ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai.
8	§9. Căn bậc ba	1	14	7	Nắm được định nghĩa căn bậc ba và kiểm tra được một số có phải là căn bậc ba của một số khác hay không. Biết được một số tính chất của căn bậc ba. Biết dùng định nghĩa để tính căn bậc ba của một số thực và biết dùng tính chất để rút gọn biểu thức chứa căn bậc ba và so sánh các căn bậc ba.
9	Ôn tập chương 1	1	15	8	HS tiếp tục hiểu sâu và có hệ thống các kiến thức cơ bản về căn bậc hai. HS có kỹ năng ( tổng hợp ) phối hợp các phép tính để tính toán biến đổi biểu thức số có căn thức bậc hai.
10	Ôn tập giữa HK I	2	16,17	8,9	Ôn các kiến thức về căn bậc hai, các phép biến đổi, đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai.
11	Kiểm tra giữa HK 1	1	18	9	
<b>Chương II. HÀM SỐ BẬC NHẤT</b>					
12	§1. Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số	2	19,20	10	HS được ôn lại và nắm vững các nội dung sau: - Các khái niệm về “hàm số”, “biến số”, hàm số có thể được cho bằng bảng, bằng công thức - Khi $y$ là hàm số của $x$ , thì có thể viết $y = f(x)$ , $y = g(x)$ ... Giá trị của hàm số $y = f(x)$ tại $x_0$ , $x_1, \dots$ được kí hiệu là $f(x_0)$ , $f(x_1) \dots$ - Đồ thị của hàm số $y = f(x)$ là tập hợp tất cả các

					điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng $(x; f(x))$ trên mặt phẳng tọa độ. - Vẽ thành thạo đồ thị HS $y = ax$ .
13	Hàm số bậc nhất	3	21,22,23	11,12	- Nắm vững k/n hàm bậc nhất , tập xác định của hàm số , tính chất biến thiên của hàm số - Hiểu và c/m được hàm số $y = -ax + b$ nghịch biến trên $\mathbb{R}$ ,và hàm số $y = ax + b$ đồng biến trên $\mathbb{R}$ . - Hiểu và c/m được hàm số $y = -ax + b$ nghịch biến trên $\mathbb{R}$ ,và hàm số $y = ax + b$ đồng biến trên $\mathbb{R}$ . - HS hiểu được đồ thị của hàm số $y = ax+b$ ( $a \neq 0$ ) là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là $b$ , song song với đường thẳng $y = ax$ nếu $b \neq 0$ hoặc trùng với đường thẳng $y = ax$ nếu $b = 0$ Biết cách vẽ và vẽ đúng đồ thị hàm số $y = ax+b$ bằng cách xác định 2 điểm phân biệt thuộc đồ thị
14	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	2	24,25	12,13	- HS nắm vững định nghĩa hai đường thẳng $y = ax + b$ ( $a \neq 0$ ) và $y = a'x + b'$ ( $a' \neq 0$ ) cắt nhau , song song với nhau, trùng nhau. - Biết chỉ ra các cặp đường thẳng song song, cắt nhau , HS biết vận dụng lý thuyết vào việc tìm giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là 2 đường thẳng cắt nhau, song song và trùng nhau.

15	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b (a \neq 0)$	2	26,27	13,14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nắm vững khái niệm hệ số góc của đường thẳng <math>y = ax + b (a \neq 0)</math>.</li> <li>- Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.</li> </ul>
16	Ôn tập chương II	2	28,29	14,15	<p>Hệ thống hoá kiến thức cơ bản của chương giúp học sinh hiểu sâu hơn , nhớ lâu hơn về các khái niệm hàm số, biến số , đồ thị của hàm số.</p> <p>Giúp học sinh vẽ thành thạo đồ thị của hàm số bậc nhất , xác định được góc của đường thẳng <math>y = ax + b</math> và trục <math>ox</math> , xác định được hàm số <math>y = ax + b</math> thoã mãn điều kiện của đề bài.</p>
<b>Chương III. HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN</b>					
17	§1. Phương trình bậc nhất hai ẩn	1	30	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm vững được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó.</li> <li>- Hiểu tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó.</li> <li>-Biết tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn số.</li> </ul>
18	§2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	1	31	16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học Sinh nắm vững khái niệm hệ phương trình bậc nhất hai ẩn .</li> <li>- Hiểu được định nghĩa hệ phương trình tương đương .</li> </ul>

					<p>-HS nắm được mối liên hệ của số nghiệm của hệ phương trình dựa với các hệ số.</p> <p>Biết dùng phương pháp minh họa hình học tìm tập nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. Nhận biết được hai hệ phương trình tương đương.</p>
19	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.	2	32,33	16,17	<p>Giúp học sinh hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế . Áp dụng giải hệ phương trình.</p> <p>HS biết cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế</p>
20	Ôn tập cuối HK I	2	34,35	17,18	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập cho học sinh các kiến thức cơ bản và các phép toán về căn bậc hai</li> <li>- Ôn tập các kiến thức cơ bản của chương II: Khái niệm của hàm số bậc nhất <math>y=ax+b</math> tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất, điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị, tìm giao điểm đồ thị các hàm số.</li> </ul>
21	Kiểm tra cuối HK I	1	36	18	
22	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.	2	37,38	19	Giúp học sinh hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số. Áp dụng



					giải hệ phương trình. HS biết cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.
23	Thực hành: giải hệ phương trình bằng máy tính CASIO	1	39	20	Biết cách giải hệ phương trình bằng máy tính bỏ túi.
24	§5,6. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.	3	40,41,42	20,21	-Nắm được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. - Bước đầu có kỹ năng giải các bài toán: toán về phép viết số, quan hệ số, toán chuyển động. làm chung, làm riêng công việc”. “hai vòi nước”.
25	Ôn tập chương III	1	43	22	-Củng cố các kỹ năng và nâng cao kỹ năng giải phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. -Nâng cao kỹ năng phân tích bài toán bằng cách lập hệ.
<b>Chương IV. HÀM SỐ <math>y = ax^2</math> (<math>a \neq 0</math>). PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN</b>					
26	§1,2 Hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ )	3	44,45,46	22,23	-Nắm vững tính chất và nhận xét về hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ). Thấy được trong thực tế có những hàm số dạng $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ). - Biết cách tính giá trị của hàm số tương ứng với từng giá trị cho trước của biến số. - HS thấy được thêm một lần nữa liên hệ hai chiều của toán học với thực tế. -Biết được dạng của đồ thị hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ) và phân biệt được chúng trong 2 trường hợp $a > 0$ và $a < 0$ . Nắm vững tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất của

					hàm số. - Kỹ năng: Biết cách vẽ đồ thị hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ).
27	§3. Phương trình bậc hai một ẩn	1	47	24	-HS nắm được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn có dạng tổng quát, dạng đặc biệt khi b hoặc c bằng 0 hoặc có b, c bằng 0. - Biết phương pháp giải 2 phương trình bậc 2 khuyết b hoặc khuyết c. HS bước đầu biết biến đổi phương trình dạng $ax^2 + bx + c = 0$ ( $a \neq 0$ ) về dạng hiệu hai bình phương
28	§4,5. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai .	4	48,49,50,51	24,25,26	Nắm vững công thức nghiệm và công thức nghiệm thu gọn của PT bậc hai. HS nhớ và vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình (có thể lưu ý khi a, c trái dấu, phương trình có 2 nghiệm phân biệt).
29	Ôn tập giữa HK II	2	52,53	26,27	Ôn tập về hệ PT, hàm số $y = ax^2$ , công thức nghiệm của phương trình bậc hai .
30	Kiểm tra giữa HK II	1	54	27	
31	§6. Hệ thức Vi-ét và ứng dụng.	3	55,56,57	28,29	-Nắm vững định lý Vi-ét, biết chứng minh định lý. Hiểu các ứng dụng của định lý và định lý Vi-ét đảo. -Vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Vi-ét trong việc nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai -Tìm được hai số biết tổng và tích chúng.
32	§7. Phương trình quy về	2	58,59	29,30	HS biết cách giải một số dạng phương trình quy về phương trình bậc hai như phương trình

	phương trình bậc hai.				trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích để giải.
33	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình.	4	60,61,62,63	30,31,32	-HS biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn. -Biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán. -Biết trình bày cách giải một bài toán bằng cách lập phương trình.
34	Ôn tập chương IV	2	64,65	32,33	Ôn tập một cách có hệ thống kiến thức của chương: -Tính chất và dạng đồ thị hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ). -Các công thức nghiệm của phương trình bậc hai. -Hệ thức Vi-ét và vận dụng để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai. Tìm 2 số biết tổng và tích của nó. -Rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu.
35	Ôn tập HK II	2	66,67	33,34	Ôn tập kiến thức và kĩ năng về hệ PT, hàm số $y = ax^2$ , các PT quy về PT bậc hai.
36	Ôn tập cuối năm	2	68,69	34,35	- HS được ôn tập các kiến thức về căn bậc hai. - Hs được rèn luyện kỹ năng về rút gọn, biến đổi căn thức, tính giá trị biểu thức và một vài dạng câu hỏi nâng cao trên cơ sở rút gọn biểu thức chứa căn. - HS được ôn tập các kiến thức về hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai. - HS được rèn luyện thêm kỹ năng giải phương trình, giải hệ phương trình, áp dụng hệ thức Viét

					vào việc giải bài tập.
37	Kiểm tra HK II	1	70	35	

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  
**MÔN HỌC TOÁN, KHỐI LỚP 9**

(Năm học 2023 - 2024)

**HÌNH HỌC**

STT	Bài học/Chủ đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm(3)		Yêu cầu cần đạt (4)
			Tiết	Tuần	
<b>CHƯƠNG 1: HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG</b>					
1	Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	4	1,2,3,4	1,2	<p>Biết thiết lập các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (định lí 1 và định lí 2)</p> <p>Học sinh biết thiết lập các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông(Định lí 3 và định lí 4)</p> <p>Biết vận dụng các hệ thức để giải bài tập.</p>
2	Tỉ số lượng giác của góc nhọn	3	5,6,7	3,4	<p>-Học sinh nắm vững định nghĩa các tỉ số lượng giác của góc nhọn.</p> <p>-Học sinh tính được các tỉ số lượng giác của 3 góc đặc biệt : <math>30^0</math>; <math>45^0</math> ; <math>60^0</math></p> <p>-Biết được quan hệ tỉ số lượng giác của hai góc</p>

					phụ nhau.
3	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO	1	8	4	Kết hợp với 1 tiết Đại số: thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO GV hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu trên mạng, trao đổi học tập lẫn nhau.
4	Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	4	9,10,11,12	5,6	HS biết thiết lập và nắm vững các hệ thức giữa cạnh và góc của 1 tam giác vuông. HS vận dụng được các hệ thức trên để giải 1 số bài tập trong thực tế.
5	Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời	2	13,14	7	Các nhóm học sinh phối hợp thực hiện được việc đo gián tiếp chiều cao của một vật HS biết xác định chiều cao của 1 vật thể mà không cần lên đỉnh cao nhất của nó HS được rèn luyện kỹ năng đo đạc trong thực tế .
6	Ôn tập chương I	1	15	8	HS được hệ thống hoá các kiến thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông ; -HS được hệ thống hoá các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của 1 góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau. -HS được rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính bỏ túi để tìm các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc . -HS được hệ thống hoá các hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông ; -HS được rèn luyện kỹ năng dựng góc nhọn $\alpha$ khi biết 1 tỉ số lượng giác của nó ; kỹ năng giải tam

					giác vuông và vận dụng vào tính chiều cao ,chiều rộng của vật thể trong thực tế.
7	Ôn tập giữa kỳ 1	2	16,17	8,9	Ôn tập về các hệ thức lượng và tỉ số lượng giác trong tam giác vuông.
8	Kiểm tra giữa kỳ 1	1	18	9	
9	Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn	2	19,20	10	<p>-Học sinh nắm được định nghĩa đường tròn, các cách xác định một đường tròn, đường tròn ngoại tiếp tam giác và tam giác nội tiếp đường tròn .</p> <p>HS nắm được đường tròn là hình có tâm đối xứng ,có trục đối xứng</p> <p>-HS biết dựng đường tròn qua 3 điểm không thẳng hàng ,biết chứng minh một điểm nằm trên,nằm bên trong ,nằm bên ngoài đường tròn.</p> <p>-HS biết vận dụng các kiến thức trong bài vào các tình huống thực tiễn đơn giản như tìm tâm của 1 vật hình tròn , nhận biết các biển giao thông , hình tròn có tâm đối xứng ,trục đối xứng</p>
10	Đường kính và dây của đường tròn.	1	21	11	<p>-HS nắm đường kính là dây lớn nhất trong các dây của đường tròn , nắm được 2 định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của 1 dây không đi qua tâm.</p> <p>-HS biết vận dụng các định lý để chứng minh đường kính đi qua trung điểm của 1 dây ,đường kính vuông góc với dây.</p>

11	Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	2	22,23	11,12	<p>Học sinh nắm được các định lí về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.</p> <p>Học sinh vận dụng các định lí trên để so sánh độ dài hai dây , so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây</p>
12	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	1	24	12	<p>-HS tự xác định vị trí tương đối, hệ thức giữa <math>d</math> và <math>R</math> qua vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn và ngược lại.</p> <p>-Học sinh nắm được 3 vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, các k/n tiếp điểm, tiếp tuyến, các hệ thức liên hệ các khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn</p> <p>-Học sinh thấy được 1 số hình ảnh về vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn trong thực tế</p>
13	Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	2	25,26	13	<p>-HS nắm được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn</p> <p>-HS biết vẽ tiếp tuyến tại 1 điểm của đường tròn, vẽ tiếp tuyến đi qua điểm nằm bên ngoài đường tròn .</p> <p>HS biết vận dụng c dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào các bài tập tính toán và chứng minh.</p>
14	Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau	2	27,28	14	<p>HS nắm được tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau, nắm được thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác ,tam giác ngoại tiếp đường tròn.</p>

					<p>HS biết vẽ đường tròn nội tiếp 1 tam giác cho trước. Biết vận dụng tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau vào các bài tập về tính toán và chứng minh.</p> <p>HS biết tìm tâm của một vật hình tròn bằng « thước phân giác »</p>
15	Vị trí tương đối của hai đường tròn	3	29,30,31	15,16	<p>HS tự xác định vị trí tương đối, hệ thức giữa <math>d</math> và <math>R</math> qua vị trí tương đối của hai đường tròn- Dạy học mô hình hóa</p> <p>-Học sinh nắm được 3 vị trí tương đối của 2 đường tròn ,tính chất của 2 đường tròn tiếp xúc nhau(tiếp điểm nằm trên đường nối tâm),tính chất của 2 đường tròn cắt nhau(hai giao điểm đối xứng nhau qua đường nối tâm)</p> <p>-Học sinh biết vận dụng tính chất 2 đường tròn cắt nhau,tiếp xúc nhau,vào các bài tập về tính toán và chứng minh.</p> <p>-HS nắm được hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính của 2 đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của 2 đường tròn</p> <p>- Hiểu được khái niệm tiếp tuyến chung của 2 đường tròn</p> <p>-HS biết vẽ 2 đường tròn tiếp xúc ngoài ,tiếp xúc trong , tiếp tuyến chung của hai đường tròn ,biết xác định vị trí tương đối của 2 đường tròn dựa vào hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính .</p> <p>_HS thấy được hình ảnh của 1 số vị trí tương đối</p>



					của 2 đường tròn trong thực tế .
16	Ôn tập chương II	1	32	16	<p>-HS được ôn tập các kiến thức đã học về tính chất đối xứng của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây ,về vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn của 2 đường tròn</p> <p>-HS biết vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập về tính toán và chứng minh.</p> <p>HS được rèn luyện cách phân tích , tìm tòi lời giải bài toán và trình bày lời giải, làm quen với dạng bài tập về tìm vị trí của 1 điểm để một đoạn thẳng có độ dài lớn nhất.</p>
17	Ôn tập học kỳ I	2	33,34	17	<p>-HS được hệ thống lại các kiến thức của học kỳ I( Hệ thức lượng trong tam giác vuông-Đường tròn)</p> <p>Rèn kĩ năng giải một số dạng toán trắc nghiệm</p>
18	Kiểm tra học kỳ I	1	35	18	
19	Trả bài kiểm tra HKI	1	36	18	
<b>CHƯƠNG 3: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN</b>					
20	Góc ở tâm. Số đo cung	2	37,38	19	<p>-HS hiểu được định nghĩa góc ở tâm và cung bị chắn, số đo cung.</p> <p>-HS thấy được sự tương ứng giữa số đo (độ) của cung và góc ở tâm chắn cung đó trong trường hợp cung nhỏ hoặc cung nửa đường tròn và biết suy ra số đo của cung lớn.</p> <p>-HS biết so sánh 2 cung trên 1 đường tròn căn cứ</p>

					<p>vào số đo của chúng.</p> <p>-HS hiểu định lí về cộng 2 cung.</p> <p>-Biết so sánh 2 cung trên 1 đường tròn.</p>
21	Liên hệ giữa cung và dây	1	39	20	<p>HS biết sử dụng các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”</p> <p>-HS phát biểu được các định lí 1,2.</p> <p>-HS vận dụng được các định lí trên vào giải 1 số bài tập so sánh hai o.đoạn thẳng, so sánh hai cung.</p>
22	Góc nội tiếp	2	40,41	20,21	<p>-Học sinh nắm được định nghĩa góc nội tiếp .</p> <p>-HS nắm được định lí và các hệ quả về số đo của góc nội tiếp, vận dụng chúng vào bài tập.</p>
23	Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	2	42,43	21,22	<p>HS nắm được khái niệm và định lí về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung</p> <p>HS biết phân chia các trường hợp để tiến hành chứng minh định lí và áp dụng được định lí vào giải 1 số bài tập liên quan.</p>
24	Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	2	44,45	22,23	<p>HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn</p> <p>-HS nắm được định lí về số đo của góc đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn.</p> <p>HS vận dụng được các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan</p>
25	Cung chứa góc	2	46,47	23,24	<p>Học sinh hiểu bài toán quỹ tích cung chứa góc.</p> <p>-Học sinh biết được quỹ tích cung chứa góc nói</p>

					<p>chung và trường hợp đặc biệt <math>\alpha = 90^0</math></p> <p>-Biết cách dựng cung chứa góc <math>\alpha</math> dựng trên một đoạn thẳng.</p> <p>-Biết cách giải bài toán cung chứa góc và biết áp dụng cung chứa góc vào bài tập dựng hình ,biết trình bày phần thuận trong bài giải một bài toán quỹ tích.</p>
26	Tứ giác nội tiếp	2	48,49	24,25	<p>-HS: nắm được khái niệm tứ giác nội tiếp</p> <p>-HS nắm được các điều kiện cần và đủ để 1 tứ giác nội tiếp .</p> <p>HS vận dụng được các kiến thức trên vào giải 1 số bài tập liên quan.</p>
27	Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp	1	50	25	<p>HS hiểu được định nghĩa ,tính chất của đường tròn ngoại tiếp (nội tiếp )một đa giác</p> <p>-HS hiểu được bất kì một đa giác đều nào cũng có một đường tròn nội tiếp và 1 đường tròn ngoại tiếp</p> <p>HS biết vẽ tâm của đa giác đều (đó là tâm của đường tròn ngoại tiếp đồng thời là tâm của đường tròn nội tiếp ) từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của 1 đa giác đều cho trước</p>
28	Độ dài đường tròn, cung tròn	1	51	26	<p>HS nhớ công thức tính độ dài đường tròn <math>C=2.3,14.R</math> ( hoặc <math>C=3,14.d</math>)</p> <p>-HS nắm công thức tính độ dài cung tròn và hiểu được số <math>\pi \approx 3,14</math></p> <p>HS vận dụng được các kiến thức trên vào giải các</p>

					bài tập liên quan
29	Ôn tập giữa kỳ II	2	52,53	26,27	Ôn tập tất cả các góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, độ dài đường tròn, cung tròn.
30	Kiểm tra giữa kỳ II	1	54	27	
31	Diện tích hình tròn, hình quạt tròn	2	55,56	28	Học sinh nhớ công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là $S = \pi R^2$ , học sinh biết cách tính diện tích hình quạt tròn. Học sinh biết vận dụng các công thức trên vào giải một số bài tập.
32	Ôn tập chương III	1	57	29	Học sinh được ôn tập ,hệ thống hoá các kiến thức của chương Vận dụng các kiến thức vào giải toán.
<b>CHƯƠNG 4: HÌNH TRỤ - HÌNH NÓN – HÌNH CẦU</b>					
33	Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	2	58,59	29,30	Học sinh đọc nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình trụ ( đáy của hình trụ, trục, mặt xung quanh, đường sinh, độ dài đường cao, mặt cắt khi nó song song với trục hoặc song song với đáy ) Hướng dẫn HS làm sản phẩm, HS tự tìm hiểu nhận biết và đo được diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ. Nhắm chắc và biết sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình trụ .

					Biết cách vẽ hình và hiểu được ý nghĩa của các đại lượng trong hình vẽ
34	Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt.	2	60,61	30,31	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy và có khái niệm về hình nón cụt.</li> <li>-Hướng dẫn HS làm sản phẩm, HS tự tìm hiểu nhận biết và đo được diện tích xung quanh và thể tích của hình nón.</li> <li>-Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình nón, hình nón cụt.</li> <li>-Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính thể tích hình nón, hình nón cụt.</li> </ul>
35	Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	2	62,63	31,32	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nắm vững các khái niệm của hình cầu: Tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu .</li> <li>- Học sinh hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng luôn là một hình tròn.</li> <li>- Nắm vững công thức tính diện tích mặt cầu .</li> <li>- Thấy được ứng dụng thực tế của hình cầu.</li> <li>- Học sinh đọc giới thiệu về vị trí của một điểm trên mặt cầu - Toạ độ địa lý</li> </ul>
36	Ôn tập chương IV	2	64,65	32,33	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu (đáy chiều cao, đường sinh).</li> </ul>

					- Hệ thống các công thức tính chu vi, diện tích thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu - Rèn luyện kỹ năng áp dụng các công thức đã học vào giải toán, kỹ năng vẽ hình, tính toán.
37	Ôn tập học kỳ II	2	66,67	33,34	Ôn tập hình học phẳng và không gian
38	Ôn tập cuối năm	1	68	34	Ôn tập kì 1, 2.
39	Kiểm tra học kỳ II	1	69	35	
40	Trả bài kiểm tra HKII	1	70	35	

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

3. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

## II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 20..... - 20.....)

1. Khối lớp: .....; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp: .....; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

3. Khối lớp: .....; Số học sinh:.....

....

(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.



- (2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.
- (3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.
- (4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).
- (6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.
- (7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.
- (8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lào Thị Niên

Đại Tân, ngày tháng năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Phương